

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 656-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Về phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên thời kỳ 1996-2000 và 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

A. Vị trí, tiềm năng và lợi thế phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên

Tây Nguyên có vị trí chiến lược hết sức quan trọng về kinh tế, chính trị và an ninh quốc phòng đối với cả nước. Việc bảo vệ, phát huy những lợi thế của Tây Nguyên về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên, bao gồm cả khí hậu, rừng, đất đỏ Bazan, nguồn nước, những điều kiện thuận lợi khác cho phát triển nông lâm nghiệp - đặc biệt là các cây công nghiệp quan trọng..., sẽ tạo ra được sự phát triển năng động của Tây Nguyên trong môi trường sinh thái bền vững, trực tiếp nâng cao đời sống của nhân dân Tây Nguyên, trước hết là đồng bào dân tộc, đồng thời tạo được nhân tố gắn kết sự phát triển kinh tế Tây Nguyên với vùng duyên hải Nam Trung bộ, Đông Nam Bộ và của cả nước.

Hiện nay việc bảo vệ, khai thác các thế mạnh, tiềm năng to lớn của Tây Nguyên còn bị hạn chế, rừng là tài nguyên quý giá và lớn nhất của cả nước còn lại ở Tây Nguyên vẫn đang tiếp tục bị chặt phá và suy giảm; diện tích đất đỏ Bazan rất quý nhưng chưa được khai thác hợp lý, nguồn nước đang có xu hướng bị cạn kiệt, cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn rất yếu kém, một bộ phận đồng bào các dân tộc trong vùng vẫn tiếp tục du canh, du cư, tỷ lệ hộ đói nghèo còn lớn, đời sống văn hoá còn thấp. Nhằm khắc phục tình hình trên và phát huy những lợi thế của Tây Nguyên, Nhà nước chủ trương thực hiện nhất quán, lâu dài về chính sách và cơ chế khuyến khích, huy động mọi nguồn lực tại chỗ và của cả nước để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội Tây Nguyên.

B. Mục tiêu chủ yếu phát triển, kinh tế - xã hội Tây Nguyên thời kỳ 1996 - 2000 và 2010 là:

1. Về phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

a) Lâm nghiệp:

Cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc nhiệm vụ bảo vệ và phát triển vốn rừng là vấn đề sống còn lâu dài của Tây Nguyên và của cả nước. Rừng phải được coi là một thế mạnh, mũi nhọn về kinh tế, nhân tố quan trọng hàng đầu cho phát triển toàn diện kinh tế - xã hội Tây Nguyên.

Việc bảo vệ, phát triển rừng ở Tây Nguyên phải đạt được mục tiêu sau đây:

- Phát triển kinh tế rừng ở Tây Nguyên phải nhằm làm phong phú thêm vốn rừng, khai thác và sử dụng có hiệu quả các ưu thế của rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ nguồn nước, điều tiết dòng chảy, hạn chế thiên tai, chống xói mòn và tăng sản phẩm xã hội.

- Chấm dứt nạn đốt phá rừng, tăng cường quản lý, bảo vệ, nâng cao chất lượng 3 triệu ha rừng hiện có, đồng thời trồng mới 300.000 ha rừng và 400.000 ha cây công nghiệp lâu năm, nâng độ che phủ lên trên 70%. Coi nhiệm vụ tăng cường xây dựng các khu rừng phòng hộ đầu nguồn của các công trình thủy lợi, thủy điện, các vườn Quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên là yêu cầu sống còn bảo vệ môi trường, nguồn nước cho Tây Nguyên và cho nhiều vùng rộng lớn khác của cả nước.

- Đẩy mạnh trồng rừng nguyên liệu công nghiệp và rừng đặc sản, chủ yếu phải áp dụng các biện pháp thâm canh và tuyển chọn trồng các loài cây rừng tăng trưởng nhanh, sớm cho sản phẩm, đạt năng suất và hiệu quả cao gắn với quy hoạch phát triển các cơ sở công nghiệp giấy, chế biến gỗ và lâm sản khác.
- Khuyến khích nhân dân tận dụng những diện tích đất đai ngoài vùng quy hoạch để trồng cây lấy củi, có biện pháp từng bước thay củi bằng các nguồn chất đốt khác, trước hết ở các đô thị và vùng dân cư tập trung; nghiêm cấm việc dùng củi làm chất đốt ở các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng và đốt lấy than hàng hoá.
- Phải chuyển phần lớn diện tích rừng tự nhiên hiện có sang rừng phòng hộ, rừng đặc dụng để thực hiện chế độ quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt. Từng buôn làng, từng xã, từng đơn vị phải xây dựng quy ước quản lý bảo vệ rừng để mọi người thực hiện.
- Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, kể cả công nghệ sinh học, cấy mô, lai tạo, chọn giống để sớm có tập đoàn cây thích hợp, có giá trị (cây lấy gỗ, cây lấy nhựa, cây lấy quả, cây làm vật liệu xây dựng, cây làm nguyên liệu công nghiệp, cây làm dược liệu v.v...) phục vụ cho mục tiêu trồng rừng.
- Huy động mọi nguồn vốn thuộc các thành phần kinh tế trong nước kể cả hình thức liên doanh liên kết với các thành phần kinh tế để đầu tư phát triển rừng, (ở những nơi điều kiện an ninh, quốc phòng cho phép, có thể huy động cả vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài).

b) Về sản xuất cây công nghiệp:

Tập trung phát triển các cây công nghiệp chủ lực của Tây Nguyên, trước hết là cao su, cà phê, đồng thời trên cơ sở điều tra quy hoạch để có thể mở rộng diện tích những cây công nghiệp khác như bông, dâu tằm, mía v.v...

- Cao su: Là cây trồng có tiềm năng to lớn ở Tây Nguyên. Để đạt được mục tiêu 350.000 ha vào năm 2010, tận dụng khai thác đất trống, đồi trọc thích hợp để phát triển cao su nhằm cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp cao su, che phủ đất và cải thiện môi trường sinh thái. Phấn đấu mỗi năm trồng mới khoảng 20.000-30.000 ha theo hướng đa dạng các thành phần kinh tế trồng cao su (quốc doanh, cao su nhân dân, cao su tiểu điền), huy động mọi nguồn vốn trong dân, các doanh nghiệp của mọi thành phần kinh tế và tận dụng nguồn vốn vay ưu đãi của ngân hàng Thế giới cho vay trồng cao su.

Tổng công ty cao su Việt nam cùng với các tỉnh Tây Nguyên phải có kế hoạch đầu tư phát triển công nghiệp sơ chế và chế biến sâu, đưa công nghiệp chế biến các sản phẩm cao su trở thành một trong những ngành công nghiệp quan trọng trong cơ cấu kinh tế toàn vùng Tây Nguyên.

- Cà phê: Đây là cây trồng có sản phẩm hàng hoá chủ lực không chỉ của Tây Nguyên mà của cả nước, tạo nên những vùng dân cư trù phú, những đô thị mới, huyện, xã mới, nhiều buôn, làng đã thoát khỏi nghèo đói và một tỷ lệ không nhỏ trở nên giàu có. Song cần chấm dứt ngay nạn phá rừng phát triển ồ ạt cà phê không theo quy hoạch, gây sự mất cân bằng nguồn nước và xâm phạm nghiêm trọng vốn rừng. Nghiêm cấm việc chuyển nhượng đất đai trái phép và gây tranh chấp đất đai trong cộng đồng các dân tộc ở Tây Nguyên.

Mục tiêu phát triển cây cà phê là duy trì và đẩy mạnh thâm canh nhằm nâng cao chất lượng vườn cà phê hiện có, mở thêm diện tích cà phê chè ở nơi có điều kiện theo đúng quy hoạch, cân đối với khả năng cung cấp nguồn nước, bảo vệ vốn rừng. Phấn đấu đạt năng suất bình quân 2 tấn cà phê nhân/ha trở lên, để mỗi năm có sản lượng khoảng 300.000 tấn cà phê nhân.

Tổng công ty cà phê Việt nam cùng với các tỉnh Tây Nguyên sớm có quy hoạch phát triển công nghiệp chế biến các sản phẩm cà phê, đa dạng sản phẩm như: cà phê rang, cà phê bột với chất lượng cao, mẫu mã đẹp, đủ điều kiện xuất khẩu phù hợp với thị hiếu của khách hàng, làm cho sản phẩm cà phê Việt nam có sức cạnh tranh lâu dài trên thị trường thế giới.

- Bông: Là cây trồng đã gắn bó với tập quán truyền thống trồng bông dệt thổ cẩm của đồng bào dân tộc, nhiều vùng đất ở Tây Nguyên phù hợp với cây trồng (trồng xen với cây trồng khác, trồng có tưới và không tưới). Cần phải phát huy những kết quả bước đầu về kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh tổng hợp, lai tạo và phát triển giống bông lai, mạnh dạn đầu tư và thực hiện những chính sách và biện pháp ưu đãi về giống, khuyến nông, vay vốn, trợ giá để mở rộng diện tích trồng bông, sớm đưa cây bông trở thành một cây công nghiệp chủ lực mới có hiệu quả kinh tế ở Tây Nguyên, nhằm đáp ứng được nhu cầu rất lớn về sợi và bông của thị trường trong nước.

- Dâu tằm: áp dụng các biện pháp và thâm canh diện tích dâu hiện có ở Tây Nguyên, trên cơ sở kinh nghiệm đã tích lũy được về trồng dâu nuôi tằm, sử dụng giống dâu có năng suất cao, giống tằm tốt cùng với công nghệ ươm tơ hiện đại để nâng cao sản lượng và chất lượng tơ; từng bước phát triển công nghiệp sản xuất các sản phẩm từ tơ, lụa. Sản lượng tơ đạt khoảng 3.000 tấn/năm, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng phải tổng kết đánh giá vùng dâu tằm tơ Bảo Lộc để có kết luận về hướng phát triển dâu tằm tơ ở đây. Trước mắt và cấp bách là bằng mọi biện pháp liên doanh, liên kết, thu hút được mọi nguồn vốn nhằm tận dụng, khai thác có hiệu quả hết công suất các cơ sở công nghiệp chế biến hiện có của Tổng công ty dâu tằm tơ Việt nam ở Bảo Lộc.

- Cây mía: Việc phát triển cây mía phải phù hợp với sự phát triển cơ sở hạ tầng, khả năng chế biến và trên cơ sở so sánh lợi thế khí hậu, đất đai ở Tây Nguyên với những cây trồng khác để lựa chọn mức độ phát triển cho thích hợp, có hiệu quả vững chắc.

c) Về sản xuất lương thực.

Sản xuất lương thực ở Tây Nguyên có vị trí quan trọng trong chiến lược an ninh lương thực quốc gia, góp phần trực tiếp ổn định đời sống đồng bào các dân tộc, hạn chế nạn phá rừng, đốt nương làm rẫy, du canh du cư. Cần phải tăng nhanh diện tích lúa đông xuân có năng suất cao ở nơi có điều kiện, giảm dần, tiến tới xóa bỏ lúa nương rẫy có năng suất thấp không ổn định, phát triển mạnh ngô cao sản, sắn cao sản để tăng sản lượng màu quy thóc. Phấn đấu đưa sản lượng lương thực Tây Nguyên đạt trên 1,5 triệu tấn/năm.

- Cây lúa: Phấn đấu đạt diện tích 200.000 ha vào năm 2000 và 240.000 ha vào năm 2010, chủ yếu dựa vào phát triển thủy lợi để tăng diện tích lúa có tưới và mở thêm diện tích lúa nước ở những nơi có điều kiện, áp dụng hệ thống biện pháp thâm canh, tăng năng suất lúa.

- Cây màu: Phát huy tiềm năng của Tây Nguyên để phát triển sản xuất ngô, sắn và khoai tây. Xây dựng vùng ngô cao sản, sắn cao sản tập trung, gắn với công nghiệp chế biến, sử dụng các giống có ưu thế lai để đạt 600.000 - 700.000 tấn màu quy thóc, đáp ứng nhu cầu tại chỗ và cung cấp cho các vùng khác trong cả nước, giải quyết nguyên liệu cho công nghiệp, thức ăn chăn nuôi.

d) Rau, quả và hoa.

Phát huy lợi thế về khí hậu trên cao nguyên để phát triển sản xuất các loại rau, quả các hoa phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Trong những loại rau và hoa cao cấp xuất khẩu phải được sản xuất theo kiểu công nghiệp tiên tiến, từ sản xuất đến đóng gói, bảo quản, vận tải để vươn tới chiếm lĩnh được thị trường nhiều nước.

Về rau phấn đấu đưa diện tích và sản lượng toàn vùng đến năm 2000 đạt khoảng 20.000 ha, 400.000 tấn và đến năm 2010 đạt 30.000 ha, 750.000 tấn.

Về cây ăn quả cải tạo thêm 14.000 ha vườn tạp để đến năm 2000 có khoảng 40.000 ha và 2010 có khoảng 60.000 ha.

Riêng ở Lâm Đồng cần chọn lựa trồng các loại rau quả ôn đới có lợi thế hơn các vùng khác như cải thảo, cải bó xôi, khoai tây, súp lơ, hồng, dâu tây... để cung cấp cho thành phố Đà Lạt, thành phố Hồ Chí Minh và các thành phố, khu công nghiệp khác; trồng các loại hoa quý như cúc, hồng, lay đơn, tuy líp... để xuất khẩu.

đ) Chăn nuôi.

Cùng với việc phát triển về rừng, cây công nghiệp, Tây Nguyên còn có thế mạnh, tiềm năng về chăn nuôi đại gia súc (bò) cần được phát triển.

Phấn đấu đến năm 2010 có đàn bò thịt đạt khoảng 1 triệu con với những giống bò tốt, trong đó khoảng 10% là bò thịt chất lượng cao và 10.000 con bò sữa, sản lượng sữa đạt trên 30 triệu lít/năm. Phát triển công nghiệp chế biến sữa, thịt và da tại chỗ, hình thành ngành công nghiệp quan trọng của Tây Nguyên.

Xây dựng các dự án phát triển vùng chăn nuôi bò thịt, bò sữa với công nghệ mới trên cơ sở đồng cỏ được thâm canh và có 1 phần diện tích đồng cỏ được tưới trong mùa khô.

Chương trình phát triển chăn nuôi bò (thịt và sữa), động vật bán hoang dã ở Tây Nguyên phải theo hướng tập trung, đa dạng hoá các hình thức chăn nuôi, lấy hộ gia đình là chính, các doanh nghiệp Nhà nước làm nòng cốt trong việc cung cấp giống tốt, khuyến nông, tổ chức tiêu thụ và chế biến các sản phẩm chăn nuôi.

2. Phát triển công nghiệp.

Mục tiêu phát triển công nghiệp ở Tây Nguyên chủ yếu là công nghiệp hoá nông lâm nghiệp và phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản.

- Công nghiệp hoá sản xuất nông lâm nghiệp: là áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghiệp vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp như lai tạo, chọn lọc các giống cây, con mới có năng suất cao, chất lượng tốt, phương pháp cấy mô, chiết ghép, phương pháp canh tác mới, phòng trừ sâu bệnh tổng hợp để hạn chế việc dùng hoá chất thuốc trừ sâu, dùng phân bón vi sinh, phân bón là kích thích sinh trưởng; cơ giới hoá từng bước khâu làm đất, tưới cây, thu hoạch, vận chuyển.

- Công nghiệp chế biến nông lâm sản: mở rộng quy mô, kết hợp với hiện đại hoá công nghiệp cho công nghiệp giấy, chế biến cao su, cà phê, bông, dâu tằm tơ, dầu thực vật, tinh bột sắn, mía đường, bánh kẹo, thực phẩm, đồ uống, xay xát lúa, ngô, chế biến lương thực thực phẩm, thức ăn chăn nuôi.

- Công nghiệp cơ khí chủ yếu là sửa chữa, sản xuất các máy móc đơn giản, các loại nông cụ phục vụ cho sản xuất và phụ tùng thay thế và một số mặt hàng kim khí tiêu dùng cho nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc vùng xa, vùng cao.

3. Về giáo dục - y tế văn hoá xã hội.

- Phần đầu đến năm 2010 cơ bản phổ cập giáo dục tiểu học, mọi trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường, mở rộng các trường nội trú và bán trú cho con em đồng bào dân tộc ít người. Mở rộng các hình thức dạy nghề để đào tạo công nhân kỹ thuật. Xây dựng hệ thống giáo trình giảng dạy trong các nhà trường phổ thông bằng cả tiếng kinh và tiếng dân tộc.

- Mục tiêu chung phát triển y tế ở Tây Nguyên là phòng và chữa bệnh theo nhiều hình thức: Nhà nước, dân lập, tư nhân, kết hợp y tế dân sự và y tế quốc phòng, y học hiện đại với y học dân tộc; phát triển hình thức y tế cố định và lưu động để phục vụ vùng cao, vùng xa. Phần đầu đến năm 2000 đạt 100% số xã có trạm y tế để khám và chữa bệnh thông thường cho dân.

- Phát huy truyền thống văn hoá cổ truyền của các dân tộc trong cộng đồng dân cư, xây dựng xã, làng, buôn, bản, gia đình có nếp sống văn hoá mới. Xoá bỏ hủ tục mê tín dị đoan, phát triển các hình thức, văn hoá nghệ thuật quần chúng, văn hoá dân gian, bảo đảm cho mọi tầng lớp nhân dân được thưởng thức văn hoá nghệ thuật.

- Phần đầu đến năm 2000 trên toàn vùng Tây Nguyên được phủ sóng phát thanh truyền hình, 100% số xã có trạm truyền thanh, khoảng 80% số hộ được nghe đài phát thanh, khoảng 60% số hộ được xem truyền hình. - Tập trung xây dựng 7 hạng mục công trình trọng điểm ở các xã nghèo: đường cho các phương tiện cơ giới đi lại thông suốt cả hai mùa khô và mưa, điện đến trung tâm xã, phòng học cho học sinh, trạm y tế, trạm điện thoại, có chợ cho xã và liên xã, có đủ nước sạch cho dân dùng.

4. Định canh, định cư, di dân, phát triển vùng kinh tế mới.

Trước hết, định canh, định cư và ổn định đời sống cho 1 triệu đồng bào dân tộc. Hoàn thành cơ bản công tác định canh định cư ở vùng xa, vùng cao, vùng căn cứ cách mạng cũ, vùng biên giới, thực hiện việc định canh định cư cho 60.000 hộ, sắp xếp cho 27.000 hộ di cư tự do đang gặp khó khăn, giải quyết ổn định đời sống đồng bào kinh tế mới (kể cả dân di cư tự do) đã đến từ những năm qua.

Việc đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới phải theo quy hoạch và các dự án của Nhà nước để thu hút thêm lao động từ các tỉnh đông dân đến Tây Nguyên, chủ yếu là các tỉnh Bắc bộ và duyên hải miền Trung. Đến năm 2010 Tây Nguyên có dân số ổn định khoảng 5-6 triệu người.

5. Xoá đói giảm nghèo.

Xoá đói giảm nghèo là một chương trình hết sức quan trọng của Tây Nguyên. Các Bộ, ngành và nhất là Ủy ban nhân dân các cấp trong vùng Tây Nguyên phải tập trung bằng mọi biện pháp chỉ đạo thực hiện để đến hết năm 1998 không còn hộ đói triền miên, đói đứt bữa, đói giáp hạt, giảm dần mức nghèo. Phần đầu đến năm 2000 phần lớn các hộ nghèo đói đều có điều kiện tự lực vươn lên đủ ăn và bớt nghèo, đặc biệt là hộ đồng bào dân tộc, các hộ gia đình chính sách để có mức sống bằng hoặc trên mức trung bình của cộng đồng.

Điều 2. Những giải pháp cơ bản:

Để đạt được những mục tiêu chủ yếu trên đây cần phải được giải quyết đồng bộ một số giải pháp cơ bản sâu đây:

1- Về giao thông:

Phải căn cứ vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên để có quy hoạch tối ưu, có bước đi cụ thể và lựa chọn các công trình ưu tiên trong việc phát triển giao thông Tây Nguyên. Cần ưu tiên mở rộng mạng lưới giao thông và nâng cấp dần theo khả năng kinh tế cho phép. Phần đầu thực hiện phương châm "Giao thông phải đi trước một bước" phục vụ và đáp ứng mọi yêu cầu cho các ngành kinh tế Tây Nguyên phát triển gắn liền và đáp ứng quy hoạch bố trí các khu dân cư, khu kinh tế tập trung cũng như phục vụ tốt an ninh quốc phòng. Giao thông ở Tây Nguyên phải được mở mang giao lưu với các vùng phát triển.

- Đối với đường quốc lộ và liên tỉnh lộ.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến đường trục dọc Tây Nguyên gồm quốc lộ 14 từ Kon Tum đi Đắk Lắk; và đoạn nối Buôn Ma Thuật - Chơn Thành đến thành phố Hồ Chí Minh, quốc lộ 14c chạy dọc Tây Nguyên.

+ Cải tạo nâng cấp các quốc lộ xương cá nối với trục quốc lộ 14 là: quốc lộ 24 nối Kon Tum đến Quảng Ngãi, quốc lộ 19 Quy Nhơn - Gia Lai gặp quốc lộ 14c, quốc lộ 27 Phan Rang - Lâm Đồng - Buôn Ma Thuật, quốc lộ 28 Phan Thiết - Gia Nghĩa, quốc lộ 20 Dầu Giây - Đà Lạt - Đơn Dương.

- Đối với đường giao thông nông thôn.

+ Quy hoạch, phát triển và nâng cấp các tuyến giao thông xuống huyện, xã từng bước có thể đi lại được 2 mùa.

+ Tập trung làm đường từ huyện đến các xã chưa có đường cho các phương tiện đi lại bằng xe cơ giới.

+ Duy tu nâng cấp đường khoảng 4.000 km cấp huyện, trên 8.000 km đường xã để đáp ứng sử dụng bền lâu, tăng năng lực vận tải, bảo đảm nhu cầu đi lại của nhân dân.

+ Các xã cần phối hợp với các nông lâm trường nâng cấp chất lượng nạt đường các trục chính kết hợp kinh tế với dân sinh.

- Bộ Giao thông vận tải cùng các tỉnh Tây nguyên ngay từ bây giờ cần nghiên cứu xây dựng quy hoạch, kế hoạch làm mới, nâng cấp, duy tu sửa chữa hệ thống đường bộ vùng Tây Nguyên (bao gồm Quốc lộ, Liên tỉnh lộ, tỉnh lộ và giao thông nông thôn); đồng thời sớm nghiên cứu, khảo sát, quy hoạch để đến sau năm 2000 có thể đầu tư xây dựng tuyến đường sắt xuyên Tây Nguyên.

- Cần phát huy và giải quyết tốt các nguồn vốn có thể huy động được theo phương châm "cả nước, mọi người, mọi tổ chức đều có trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia làm giao thông", cụ thể là:

+ Đối với các công trình giao thông quốc lộ được đầu tư bằng vốn ngân sách, vốn ODA, chọn một số quốc lộ ưu tiên làm trước thực hiện việc đầu tư bằng vốn ngân sách là 40%, vốn tín dụng vay của ngân hàng thương mại là 30%, bán trái phiếu và huy động các nguồn khác là 30%; khi đầu tư nâng cấp xong được thụ lệ phí giao thông để hoàn trả gốc và lãi, trước hết hoàn trả gốc và lãi vay tín dụng.

+ Đối với giao thông tỉnh lộ và đường liên huyện chủ yếu bằng vốn ngân sách địa phương, vốn ngân sách Trung ương cân đối hàng năm để hỗ trợ.

+ Đối với giao thông nông thôn dựa vào dân làm là chính, bao gồm dân tại chỗ ở các bản, buôn, làng, xã, huyện cần phải làm đường giao thông, và dân ở các thành phố, thị xã, thị trấn, Bản, Buôn, Làng, xã, khác của tỉnh đã có đường giao thông tốt cũng phải có đóng góp xây dựng.

+ Đối với đường nông thôn ở vùng xa, vùng cao, đời sống còn nghèo mà chưa có đường cho các phương tiện đi lại bằng cơ giới thông suốt cả 2 mùa khô và mưa thì dân địa phương đóng góp chủ yếu bằng công lao động, Trung ương và tỉnh sẽ hỗ trợ về kỹ thuật mở tuyến, mìn phá đá, nhựa đường và hỗ trợ thêm bằng lương thực để dân có điều kiện tham gia làm đường ngoài ngày công nghĩa vụ công ích.

2. Về bảo vệ, khai thác nguồn nước.

Phát triển thủy lợi là tiền đề có ý nghĩa quyết định cho việc sử dụng đất đai, bố trí lao động, dân cư, cải thiện môi trường sinh thái. Mỗi diễn biến của hệ thống rừng đầu nguồn, của sơ đồ khai thác các dòng chảy đều có tác động đến toàn cục và nguồn